

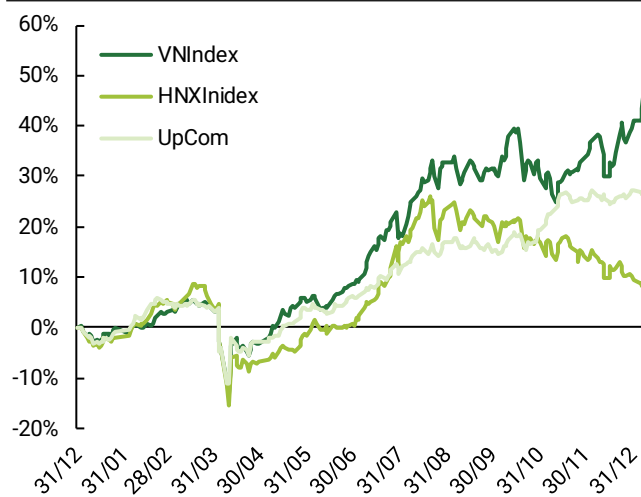
VN-Index **1855.56 (-0.32%)**
 1324 Tr. cổ phiếu 40317.6 Tỷ VND (21.93%)

HNX-Index **249.1 (-0.12%)**
 102 Tr. cổ phiếu 2349.8 Tỷ VND (45.50%)

UPCOM-Index **121.59 (0.45%)**
 60 Tr. cổ phiếu 859.4 Tỷ VND (27.11%)

VN30F1M **2074.00 (-0.68%)**
 287,988 HD OI: 36,835 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1855.6, giảm -6.0 điểm (-0.32%). Thanh khoản tăng với độ rộng dịch chuyển về bên bán. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30 giảm, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm cổ phiếu doanh nghiệp Nhà nước đầu ngành tiếp tục thu hút dòng tiền, nổi bật ở nhóm Ngân hàng quốc doanh, Dầu khí. Dù vậy, đà tăng nhanh gần đây khiến áp lực chốt lời trở lại chi phối mạnh hơn. Thêm vào đó, nhóm Vingroup mất đà gây thêm áp lực giảm điểm lên thị trường.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: VCB (+6.9%), BID (+5.1%), CTG (+2.0%) | Dịch vụ tài chính: TCX (+3.7%), VND (+2.6%) | Dầu khí: BSR (+3.6%), PVD (+1.3%) | Tiện ích: GAS (+3.5%), POW (+2.9%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Bất động sản: VIC (-7.0%), VHM (-6.9%), TCH (-2.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-6.4%), HAH (-2.5%) | Bán lẻ: FRT (-4.3%), DGW (-4.1%), MWG (-2.6%) | Xây dựng và Vật liệu: PC1 (-2.4%), FCN (-1.7%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VCB, BID, GAS, CTG, TCX | Chiều giảm | VHM, VIC, VPL, VRE, GEE

Khối ngoại Mua ròng hơn 500 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, SHB, TCX, trong khi bán ròng MCH, VHM, ACB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với nền đỏ thân lớn cùng thanh khoản cũng gia tăng mạnh trên mức bình quân 20 phiên, cho thấy lực cung trở lại chi phối. Dù vậy, mức giảm chưa quá 1/2 nền tăng phiên trước, hàm ý lực đỡ trên thị trường vẫn được duy trì. Chỉ báo RSI đã tiếp cận mức quá mua nên việc hạ nhiệt là phù hợp kỹ thuật. Do vậy, trạng thái điều chỉnh nghiêng về tâm lý chốt lời và áp lực bán chưa quá tiêu cực. VN-Index khả năng củng cố lại nền giá quanh khu vực 1840 - 1850 điểm. Hỗ trợ gần cho xu hướng hiện là vùng tâm lý 1800 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Spinning top, cho thấy trạng thái giằng co trở lại. Vận động vẫn nằm trong vùng kiểm định quanh đáy cũ, ứng với ngưỡng 246 - 250. Kháng cự trong chiều hồi phục hiện là ngưỡng 258 - 260.
- Chiến lược chung:** Với các mã đạt mục tiêu ngắn hạn NĐT có thể cân nhắc chốt lời. Chiều mua mới nên tận dụng khi thị trường hạ nhiệt, hạn chế tâm lý hưng phấn mua đuổi. Nhóm cổ phiếu dẫn dắt cũng đang đạt trạng thái quá mua cao có khả năng điều chỉnh kỹ thuật và gây áp lực lên chỉ số chung. Các nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiện ích, Tiêu dùng, Dầu khí.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời POW – Mua KBC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,855.6 ▼	-0.32%	4.0%	5.8%	40,317.6 ▲	21.9%	80.2%	87.2%	1,324.3 ▲	22.7%	87.7%	78.5%				
HNX-Index	249.1 ▼	-0.12%	0.1%	-3.7%	2,349.8 ▲	45.5%	80.4%	99.3%	101.6 ▲	31.0%	71.4%	86.4%				
UPCOM-Index	121.6 ▬	0.45%	0.5%	1.4%	859.4 ▲	27.1%	11.3%	32.9%	59.6 ▲	23.5%	40.1%	36.0%				
VN30	2,074.0 ▼	-1.1%	2.1%	4.5%	25,911.0 ▲	14.4%	87.7%	145.5%	674.4 ▲	17.6%	94.8%	127.1%				
VNMID	2,220.8 ▼	-0.3%	0.2%	-2.4%	10,230.8 ▲	34.6%	53.6%	44.0%	418.3 ▲	40.2%	61.8%	51.9%				
VNSML	1,467.1 ▼	-0.39%	-0.6%	-3.5%	1,294.3 ▲	5.3%	26.0%	-16.4%	86.3 ▲	6.0%	28.2%	-27.2%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	661.8 ▲	1.9%	2.74%	3.0%	13,971.4 ▲	16.74%	151.5%	114.5%	509.1 ▲	23.2%	147.9%	99.5%				
Bất động sản	881.0 ▼	-2.8%	8.6%	22.6%	7,642.6 ▲	43.0%	146.2%	71.4%	178.2 ▲	29.5%	105.6%	39.0%				
Dịch vụ tài chính	314.9 ▲	1.3%	-0.5%	-4.7%	4,543.7 ▲	75.4%	140.5%	57.9%	169.8 ▲	69.5%	120.2%	49.7%				
Công nghiệp	280.7 ▼	-2.2%	-2.3%	0.6%	1,503.5 ▲	12.0%	106.8%	15.7%	41.9 ▲	9.7%	108.7%	36.3%				
Tài nguyên cơ bản	523.4 ▼	-0.7%	1.0%	-1.4%	1,319.3 ▲	10.0%	50.4%	19.2%	54.7 ▲	5.9%	48.5%	11.5%				
Xây dựng - Vật Liệu	183.2 ▼	-1.0%	2.4%	-2.8%	1,189.5 ▲	13.0%	66.7%	26.3%	53.4 ▲	11.5%	57.3%	18.9%				
Thực phẩm	550.1 ▼	-0.1%	-0.4%	-0.6%	2,142.0 ▼	-14.6%	100.0%	19.8%	39.4 ▼	-26.9%	50.8%	-15.7%				
Bán Lẻ	1,580.7 ▼	-2.8%	2.0%	3.4%	1,353.5 ▬	0.8%	126.1%	54.6%	17.3 ▼	-1.1%	111.7%	46.9%				
Công nghệ	515.8 ▼	-0.9%	1.5%	1.3%	632.2 ▼	-46.5%	28.3%	2.3%	8.1 ▼	-39.3%	34.4%	-15.7%				
Hóa chất	167.5 ▬	0.99%	7.1%	-0.6%	1,218.4 ▲	18.5%	139.4%	60.7%	35.7 ▲	12.3%	144.8%	90.1%				
Tiện ích	812.8 ▲	2.3%	12.8%	19.8%	1,367.7 ▲	69.7%	216.2%	245.8%	55.3 ▲	68.7%	254.5%	205.0%				
Dầu khí	87.5 ▲	2.22%	12.8%	19.2%	1,892.8 ▲	25.0%	165.7%	253.7%	74.4 ▲	27.9%	168.5%	221.4%				
Dược phẩm	435.1 ▬	0.1%	-0.6%	1.1%	28.4 ▼	-23.8%	30.7%	-55.5%	1.5 ▼	-8.0%	53.7%	-61.0%				
Bảo hiểm	105.3 ▬	0.5%	12.6%	20.6%	245.7 ▲	67.3%	343.6%	337.2%	5.0 ▲	48.9%	255.3%	204.8%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,855.6 ▼	-0.3%	46.5%	18.1x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,254 ▼	-2.1%	-10.5%	13.7x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,925 ▼	-0.2%	26.1%	22.4x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,349 ▼	-0.09%	-1.9%	16.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,321 ▬	0.45%	-3.2%	10.5x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,083 ▼	-0.07%	21.8%	19.5x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,149 ▼	-1.17%	30.4%	13.4x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	51,117 ▼	-1.6%	28.1%	21.9x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,921 ▼	-0.34%	17.7%	27.6x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,996 ▼	-0.94%	15.2%	25.3x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,022 ▼	-0.26%	22.6%	15.1x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,904 ▼	-0.32%	20.6%	17.9x	2.5x
DXY		98.7 ▬	0.16%	-9.0%		
USDVND		26,270 ▼	-0.02%	3.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

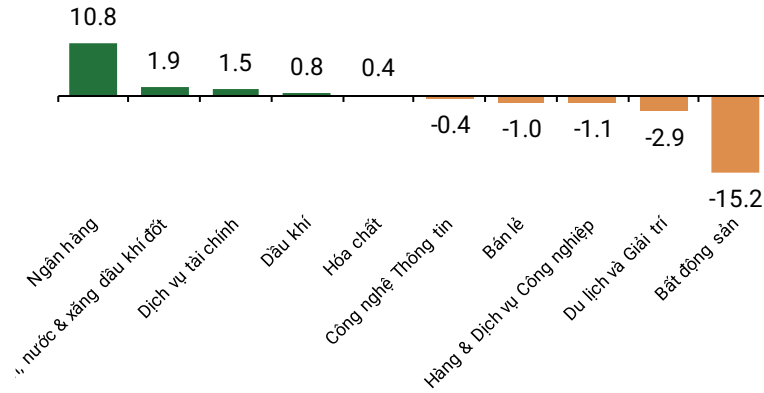
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.1%	-3.0%	-18.8%	-20.4%
Dầu WTI	▲	1.2%	-3.7%	-21.0%	-22.7%
Khí gas	▲	1.9%	-26.9%	-1.2%	-1.6%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-9.7%	-13.7%	-10.9%
Thép HRC (*)	▲	1.7%	0.4%	-4.7%	-2.2%
PVC (*)	▲	2.4%	-0.2%	-11.5%	-11.5%
Phân Urea (*)	▲	1.7%	5.7%	12.3%	11.1%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.2%	7.7%	-6.6%	-0.9%
Bông Cotton	▼	-0.5%	4.6%	-5.4%	-5.1%
Đường	▲	1.6%	1.2%	-22.1%	-22.0%
World Container Index	▲	15.5%	32.7%	-32.8%	-34.5%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.4%	-15.6%	25.7%	44.7%
Vàng	▼	-1.4%	5.7%	68.8%	66.4%
Bạc	▼	-6.8%	30.3%	162.1%	151.7%

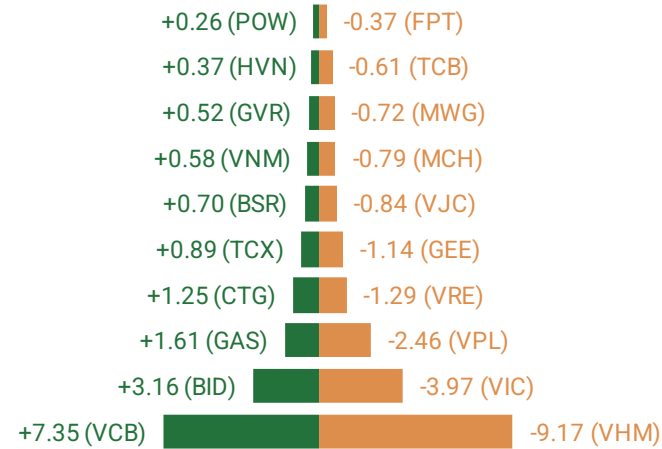
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

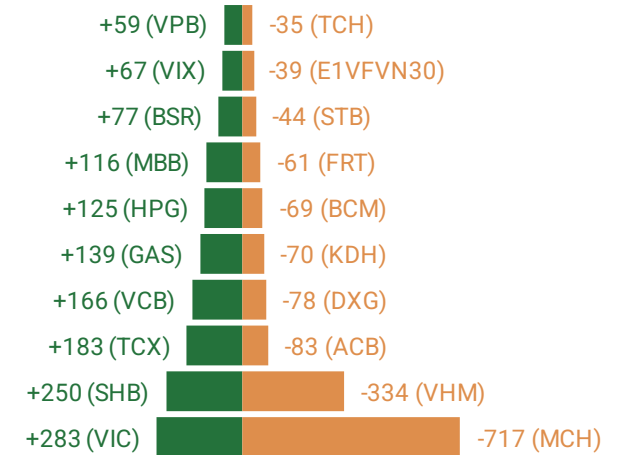
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



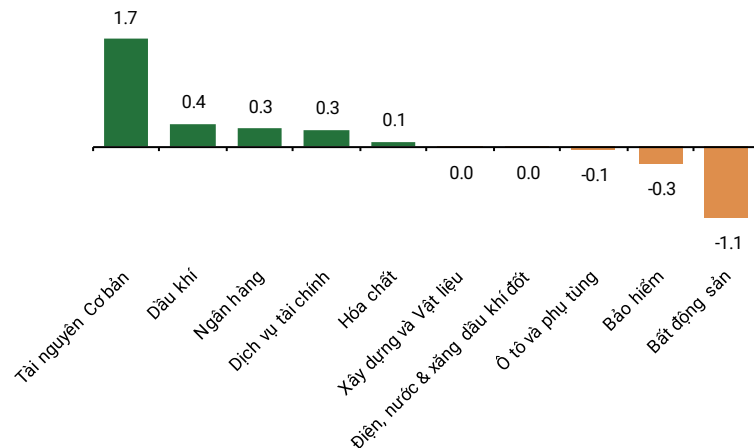
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



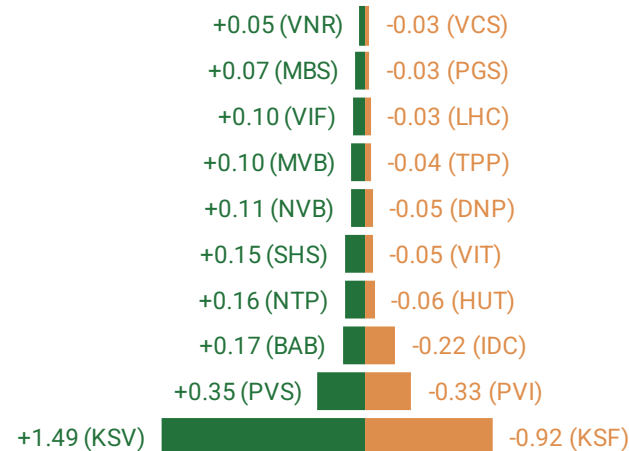
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



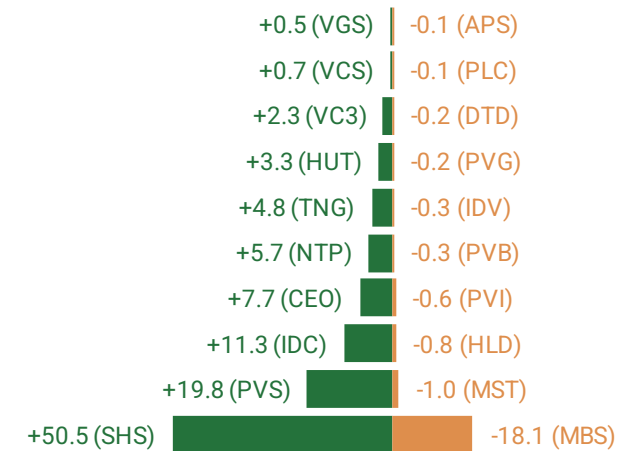
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	VHM	VCB	SSI	MBB
%DoD	0.6%	-7.0%	6.9%	1.5%	-0.4%
Giá trị	2,276	2,181	1,700	1,329	1,279

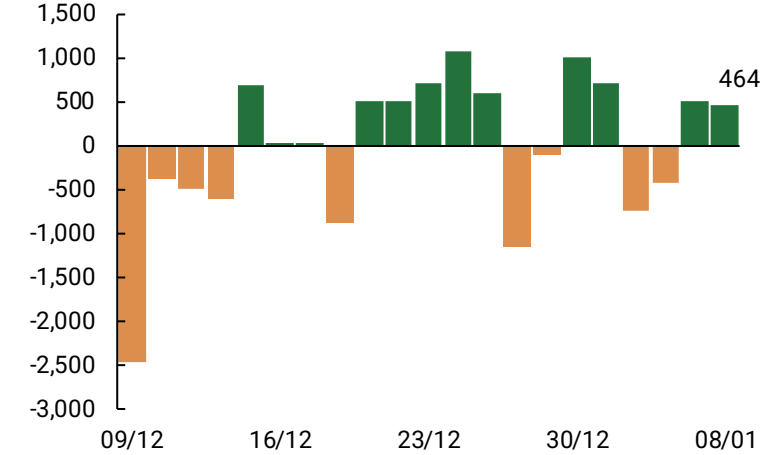
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	MCH	TCB	SSB	STB
%DoD	-1.3%	-1.6%	-1.1%	0.3%	0.2%
Giá trị	1,053	641	415	298	182

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



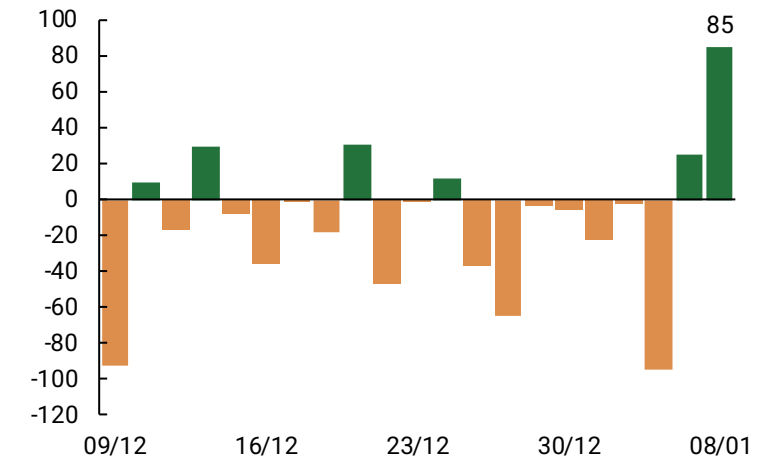
	PVS	SHS	CEO	MBS	PVC
%DoD	3.3%	1.5%	0.5%	0.8%	2.4%
Giá trị	624	529	238	154	92

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	IDC	HUT	TVC	KMT	NTP
%DoD	-2.6%	-0.6%	0.0%	0.0%	2.5%
Giá trị	195	18	5	3	2

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm chưa phủ định $\frac{1}{2}$ nến tăng phiên trước.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI tiếp cận mức quá mua.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá quanh ngưỡng 1850.

Kịch bản: Chỉ số hạ nhiệt khi tiếp cận vùng cản gần ngưỡng tâm lý 1900 điểm. Vận động bứt phá nhanh đã kéo theo các chỉ báo kỹ thuật tiếp cận mức quá mua nên việc điều chỉnh là phù hợp kỹ thuật. Dù vậy, mức giảm vẫn trên $\frac{1}{2}$ nến tăng phiên trước cho thấy lực đỡ được giữ vững trên vùng cao. Khu vực quanh 1840 – 1850 hiện là hỗ trợ gần trong ngắn hạn, nơi lực cầu có thể được kiểm định lại.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm phủ định hơn $\frac{1}{2}$ nến tăng phiên trước.
- ✓ Hỗ trợ: 2020 – 2050.
- ✓ Kháng cự: 2080 - 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI gần tiếp cận mức quá mua.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá trên ngưỡng 2050.

➔ Áp lực giảm điểm ở VN30 mạnh hơn VN-Index khi phủ định hơn $\frac{1}{2}$ đà tăng phiên trước, hàm ý lực cung chi phối ở nhóm vốn hóa lớn nhiều hơn. Vận động khả năng hạ nhiệt để tái tạo thêm đà, cũng như củng cố thêm nền giá trên ngưỡng 2050.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	POW	TAKE PROFIT	Current price	14	P/E (x)	17.2
Exchange	HOSE		Action price	12.1 - 12.3	P/B (x)	1.0
Sector	Conventional Electricity		Take profit price (9/1)	14 - 14.5	EPS	812.5
				17.2%	ROE	5.8%
					Stock Rating	BB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá tiếp cận vùng mục tiêu 14 cũng là vùng đỉnh gần trong quá khứ.
 - Thanh khoản đột biến nhưng giá kết phiên có bóng phía trên dài hàm ý lực cung chi phối.
 - Chỉ báo RSI tiến về vùng quá mua 70 có thể khiến động lượng tăng chững lại.
 - Giá tăng nhanh dễ hạ nhiệt để củng cố lại đà.
- ➔ Xu hướng khả năng điều chỉnh khi tiếp cận vùng cản.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp tăng rớt trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	KBC	BUY	Current price		35.6	P/E (x)	19.0	
			Action price	09/01	35 - 35.6	P/B (x)	1.38	
Exchange	HOSE		Target price		39.5	11.9%	EPS	1872.3
			Cut loss		33	-6.5%	ROE	7.1%
Sector	Real Estate Holding & Development						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và trở về miền dương, cùng với RSI cải thiện lên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh đang yếu dần và khả năng quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	POW	Chốt lời	09/01/2026	14.00	14.0 - 14.5	17.2%	14.0	14.8%	11.4	-6.6%	
2	KBC	Mua	09/01/2026	35.6	35 - 35.6	-	39.5	11.9%	33	-6.5%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	66.30	63.8 - 64.2	3.6%	71.0	10.9%	61.5	-3.9%	Nâng cắt lỗ 61.5
2	DBC	Nắm giữ	04/12/2025	24/12/2025	26.55	27.3 - 27.6	-3.5%	30.5	10.9%	26.5	-3.6%	Nâng cắt lỗ 26.5
3	KLB	Mua	23/12/2025	-	16.80	16.8 - 17.2	-1.2%	20.0	17.6%	15.8	-7.1%	15/01 giao dịch trên HOSE
4	VNM	Mua	25/12/2025	-	62.20	61 - 61.5	1.6%	68.0	11.0%	58.0	-5.3%	
5	DHC	Mua	07/01/2026	-	33.90	33.6 - 34	0.3%	37.0	9.5%	32.0	-5.3%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2074, giảm 14 điểm (-0.7%). Giá giữ đà tăng đầu phiên nhưng đã đảo chiều trở lại vào cuối phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo mẫu hình nến giảm Marubozu và cho thấy phản ứng kiểm định thất bại vùng kháng cự trên ngưỡng 2100 điểm. Chỉ báo RSI cũng hạ nhiệt từ vùng quá mua, bên cạnh MACD suy yếu, cho thấy áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Dù vậy, khu vực quanh 2075 đang là hỗ trợ ngắn hạn. Chiều Short có thể tận dụng nhịp hồi và cân nhắc khi giá suy yếu tại khu vực 2085 – 2090, hoặc khi giá tiếp tục sập gãy dưới ngưỡng 2068. Vị thế Long cân nhắc khi giá phục hồi và củng cố được trên ngưỡng 2090.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1953.6, giảm 1.3 điểm (-0.07%). Độ lệch basis 3.1 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 31 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1940, trong khi kháng cự là ngưỡng 1970 - 1980.

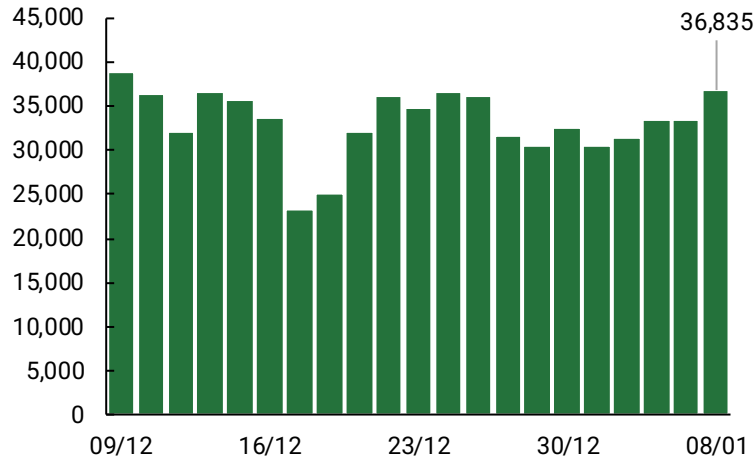
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2090	2102	2082	12 : 08
Short	< 2085	2070	2095	15 : 10
Short	< 2068	2056	2076	12 : 08

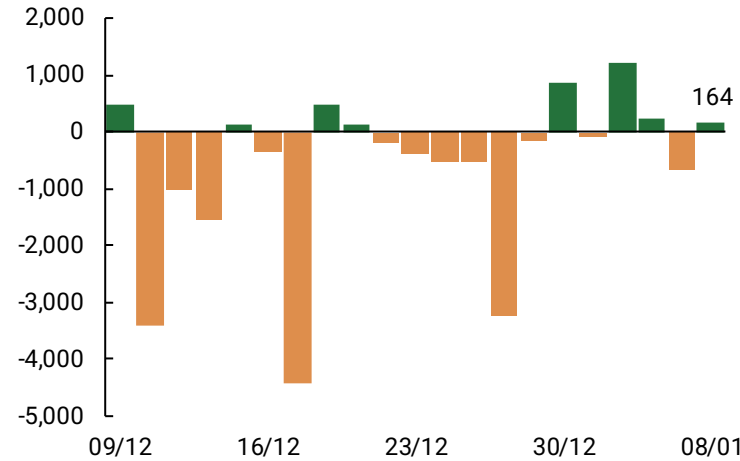
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	2,071.5	-9.2	76	291	2,083.2	-11.7	18/06/2026	161
41I1G3000	2,074.9	-14.0	64	544	2,078.0	-3.1	19/03/2026	70
41I1G2000	2,073.0	-15.9	1,630	2,606	2,076.1	-3.1	13/02/2026	36
41I1G1000	2,074.0	-14.2	287,988	36,835	2,074.4	-0.4	15/01/2026	7
41I2G1000	1,953.6	-1.3	31	47	1,957.1	-3.5	15/01/2026	7

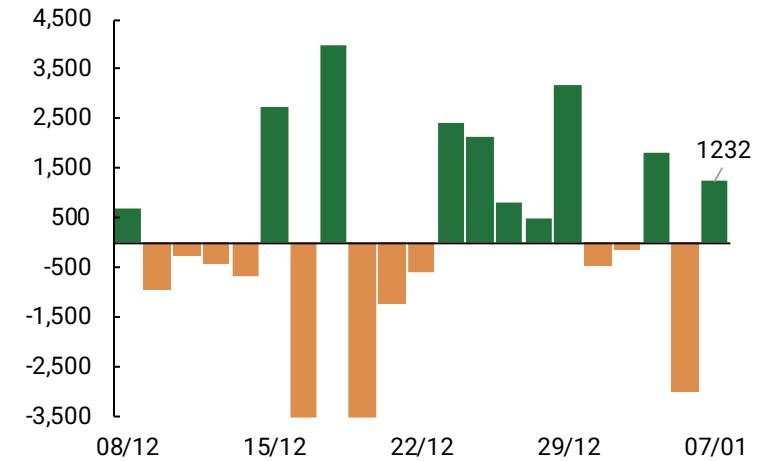
Khối lượng mở (Open interest)



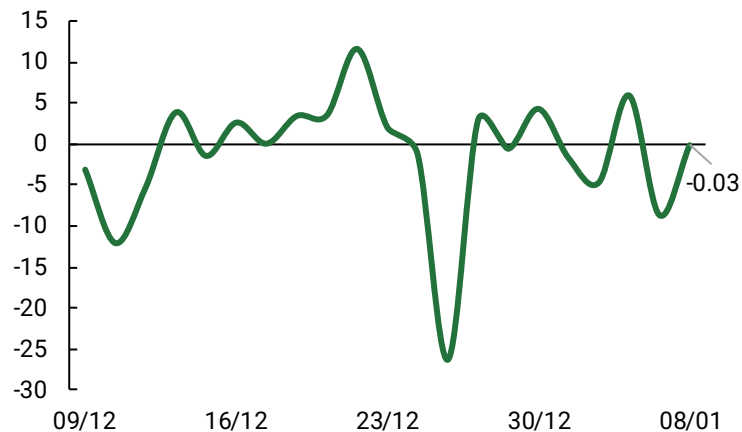
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



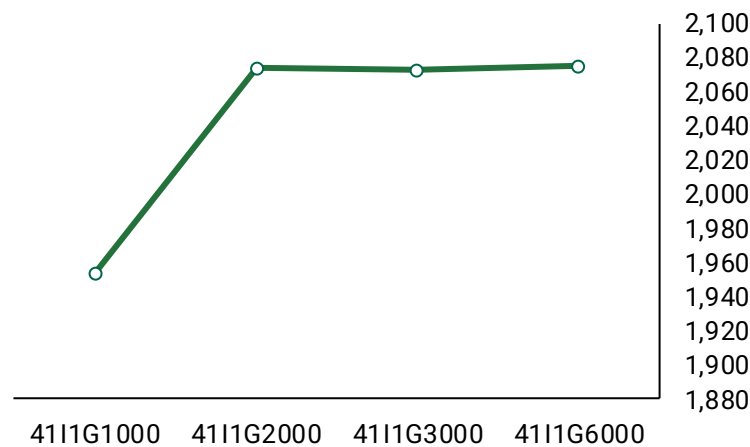
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



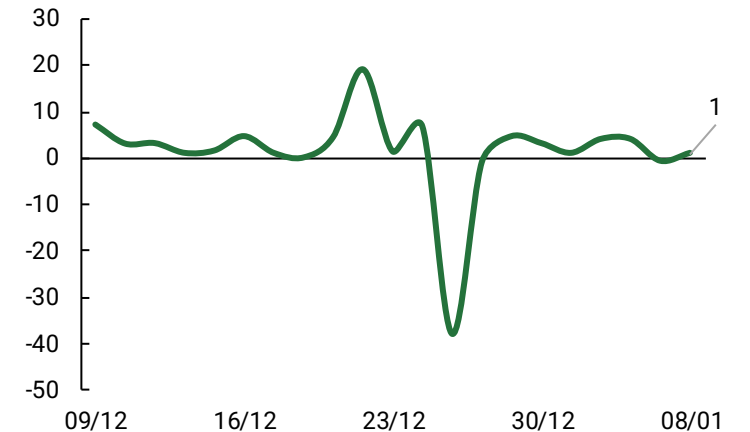
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	76,000	65,400	-13.9%	Bán
BCM	68,200	74,500	9.2%	Nắm giữ
CTD	72,500	87,050	20.1%	Mua
CTI	22,200	27,200	22.5%	Mua
DBD	48,500	68,000	40.2%	Mua
DDV	26,904	35,500	32.0%	Mua
DGC	62,800	99,300	58.1%	Mua
DGW	41,200	48,500	17.7%	Tăng tỷ trọng
DPG	37,250	53,100	42.6%	Mua
DPR	39,150	46,500	18.8%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,372	17,200	28.6%	Mua
EVF	11,150	14,400	29.1%	Mua
FRT	146,000	135,800	-7.0%	Giảm tỷ trọng
GMD	63,000	72,700	15.4%	Tăng tỷ trọng
HAH	57,600	67,600	17.4%	Tăng tỷ trọng
HDG	26,300	33,800	28.5%	Mua
HHV	12,650	12,300	-2.8%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,400	30,200	14.4%	Tăng tỷ trọng
IMP	52,500	55,000	4.8%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,600	22,700	-14.7%	Bán
MSH	33,050	43,100	30.4%	Mua
MWG	87,500	92,500	5.7%	Nắm giữ
NLG	31,000	39,900	28.7%	Mua
NT2	24,950	27,400	9.8%	Nắm giữ
PHR	58,400	72,800	24.7%	Mua
PNJ	104,000	96,800	-6.9%	Giảm tỷ trọng
PVT	20,750	18,900	-8.9%	Giảm tỷ trọng
SAB	48,300	59,900	24.0%	Mua
TLG	50,800	53,400	5.1%	Nắm giữ
TCB	36,000	35,650	-1.0%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,500	37,900	43.0%	Mua
TRC	78,100	95,800	22.7%	Mua
VCG	22,350	26,200	17.2%	Tăng tỷ trọng
VHC	57,100	60,000	5.1%	Nắm giữ
VNM	62,200	66,650	7.2%	Nắm giữ
VSC	20,600	17,900	-13.1%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 05/01 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 06/01 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
- 09/01 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 13/01 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/01 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 15/01 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
- 19/01 Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy
Việt Nam - Công bố thành phần VN30
- 20/01 Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 22/01 Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
- 28/01 Canada - BOC họp và công bố lãi suất
- 27 – 28/01 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
- 30/01 Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

THÔNG TIN VĨ MÔ

Nhiều chỉ số lập kỷ lục, tăng trưởng GDP Việt Nam 2025 thuộc nhóm dẫn đầu thế giới: Với mức tăng trưởng GDP năm 2025 ước đạt 8,02%, Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu thế giới về tăng trưởng kinh tế, Bộ Tài chính báo cáo tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc với chính quyền địa phương để đánh giá kết quả năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026 diễn ra sáng 8/1.

HOSE không cấp margin 70 mã trong quý I: HOSE công bố danh sách 70 mã cổ phiếu không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ quý I, bao gồm nhiều cổ phiếu bị cảnh báo, kiểm soát hoặc đình chỉ giao dịch như HVN, NVL, BCG. Ngoài ra, nhóm cổ phiếu niêm yết dưới 6 tháng và các doanh nghiệp báo lỗ cũng không được cấp margin. Trong thời gian này, nhà đầu tư không thể dùng margin mua các cổ phiếu trong danh sách. HOSE sẽ tiếp tục rà soát và cập nhật định kỳ danh sách.

Ông Trump bất ngờ rút Mỹ khỏi 66 tổ chức quốc tế: Ngày 7/1, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã ký sắc lệnh rút Mỹ khỏi 35 tổ chức quốc tế không thuộc Liên Hợp Quốc và 31 cơ quan của Liên Hợp Quốc mà Nhà Trắng cho rằng “hoạt động đi ngược lại lợi ích quốc gia của Mỹ”. Quyết định rút khỏi loạt tổ chức tiếp tục phản ánh cách tiếp cận “Nước Mỹ trên hết” của ông Trump trong nhiệm kỳ hai, bao gồm cắt giảm ngân sách Liên Hợp Quốc và rút khỏi các định chế đa phương chủ chốt.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

BID - BIDV lãi kỷ lục hơn 36,000 tỷ đồng năm 2025: Tổng tài sản đạt trên 3.25 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2024; tiếp tục giữ vị thế là ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô tổng tài sản lớn nhất tại Việt Nam. Huy động vốn đạt trên 2.4 triệu tỷ đồng; tăng trưởng 13.7%. Dư nợ tín dụng đạt trên 2.3 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 15.2%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức 1.2%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt trên 36,000 tỷ đồng. Các chỉ tiêu sinh lời ROA đạt 1.01% và ROE đạt 19.02%. Hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 9%.

MBB - Ngân hàng ước lãi 33,700 tỷ đồng trong năm 2025: Tổng tài sản của ngân hàng cuối năm ước đạt gần 1.5 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 33% so với đầu năm 2025. Huy động vốn đạt khoảng 1.05 triệu tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 33,700 tỷ đồng, tăng khoảng 17% so với cùng kỳ. Như vậy, các chỉ tiêu kinh doanh của MB đều vượt mục tiêu đề ra.

STB - Sacombank chỉ hoàn thành hơn 50% kế hoạch lợi nhuận năm 2025: Ngân hàng đạt tổng huy động 837,000 tỷ đồng (+24%) và tín dụng 626,000 tỷ đồng (+16%), thể hiện vị thế top đầu. Lãi trước thuế 2025 đạt 7,628 tỷ đồng, hoàn thành 52% kế hoạch, chủ yếu do tăng trích lập dự phòng lên 11,300 tỷ đồng nhằm quản trị rủi ro thận trọng. Lợi nhuận trước dự phòng tăng 29%, chi phí hoạt động giảm 7%. Năm 2026, ngân hàng tập trung tái cấu trúc, phát triển kinh doanh lõi và quản trị chi phí, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

BSR - Năm 2026, mục tiêu doanh thu 57,000 tỷ đồng: BSR tập trung quản trị biến động thị trường, vận hành Nhà máy Dung Quất an toàn, ổn định với công suất cao, tối ưu chi phí và dòng tiền. Công ty khôi phục Nhà máy Nhiên liệu sinh học, mở rộng dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh quốc tế, kỳ vọng doanh thu 57,000 tỷ đồng năm 2026. Giải pháp đột phá nâng công suất lên 123 - 125% thiết kế, dự báo lợi nhuận 6,472 - 8,763 tỷ đồng. BSR còn đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển mô hình kinh doanh mới nhằm tăng trưởng bền vững trong bối cảnh nhiều yếu tố bất định.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415